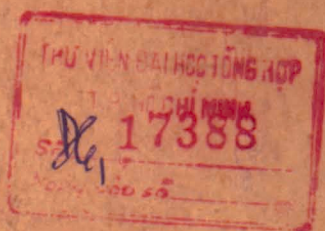


LIỆU HỌC TẬP

Chế độ DÂN CÔNG MIỀN BẮC



TỔNG VỤ KẾ HOẠCH
VÀ THÔNG TIN
ấn hành

Viện Đại Học
CÁ HỘI & NV
TP. HCM

96

7388

CHẾ ĐỘ DÂN CÔNG MIỀN BẮC

Chế độ dân công của Việt Cộng là một trong những biện pháp bóc lột sức lao động của nhân dân một cách dã man tàn tệ nhất mà ngay cả dưới thời thực dân, phát xít, người ta cũng chưa từng thấy.

Bất cứ ai đã từng sống với Việt Cộng trong thời kỳ kháng chiến tại miền Bắc đều không khỏi kinh hoàng mỗi khi hồi tưởng lại những lần họ đã phải đi dân công cho Việt Cộng.

Hàng ngàn, hàng vạn con người, từ già tới trẻ, nam có, nữ có, vai gánh nặng, quần áo rách tả tơi lủ lượm nổi gót nhau băng qua rừng, vượt núi, lội sông dưới sự thúc đẩy của bọn cán bộ Cộng sản vác súng đi kèm. Một chuyến đi như vậy có khi lâu hàng ba bốn tháng. Mọi người đều phải nai lưng gánh lương thực và vũ khí đạn dược tiếp tế cho Việt Cộng hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Ăn uống thiếu thốn, lao động quá sức lực, thuốc thời không có, biết bao nhiêu thanh niên ưu tú của đất nước đã ngã gục vì bệnh tật trên dọc đường. Một số khác đã bị chết oan vì phải làm bia đỡ đạn cho Việt Cộng. Những người may mắn trở về được tới quê hương cũng suy nhược thân thể tiêu tụy ốm đau hàng tháng.

Sau ngày đình chiến do Việt Cộng manh tâm bán nước, cấu kết với thực dân Pháp ký hiệp định Genève chia đôi lãnh thổ, nhân dân miền Bắc vẫn chưa hết rên siết dưới ách bóc lột của Cộng sản. Việt Cộng tiếp tục thi hành chế độ dân công. Đề pháp lý hóa sự bóc lột của chúng, ngụy quyền miền Bắc đã ban hành nghị định số 338-TTG quy định những điều lệ về việc huy động và sử dụng dân công trong thời bình.

NHẬN XÉT VỀ BẢN ĐIỀU LỆ SỬ DỤNG DÂN CÔNG TRONG THỜI BÌNH CỦA VIỆT CỘNG

Bản « điều lệ về huy động và sử dụng dân công trong thời bình » kèm theo nghị định số 338-TTG của nguyên quyền Việt Cộng gồm bốn chương tổng cộng 26 điều.

Nhìn tổng quát, chế độ dân công thời bình của Việt Cộng có những đặc điểm sau đây :

1. — Chế độ dân công áp dụng không công bình. Chế độ dân công chỉ có tánh cách cưỡng bách đối với thường dân, còn các đảng viên Cộng sản được miễn trừ.

2. — Thời gian đi dân công được hạn định tối thiểu mà không hạn định tối đa nghĩa là số ngày mà người dân phải làm việc không công cho đảng chỉ có thể nhiều hơn chứ không thể kém thời gian đã ấn định.

3. — Chế độ làm việc của dân công chủ yếu là làm khoán, giao mức khoán cao. Lỗi làm việc này quá máy móc và đã man ở điểm người yếu hay khỏe đều phải làm ngang nhau. Nếu công việc được giao phó chưa hoàn thành, người đi dân công có thể bị giữ lại làm nữa.

I. — NHỮNG NGƯỜI PHẢI ĐI DÂN CÔNG

Theo bản điều lệ tất cả mọi người Việt Nam bất kể nam nữ từ 18 tới 50 tuổi đều phải đi dân công. Những nhân viên Ủy ban hành chánh các cấp, cán bộ và nhân viên chính phủ, những thương binh, người tàn tật... thời được miễn.

Ta nhận thấy Việt Cộng đã chia nhân dân miền Bắc thành hai giai cấp. Giai cấp nô lệ và giai cấp đảng viên cán bộ. Giai cấp nô lệ là hầu hết toàn thể nhân dân kể cả các nhà trí thức, các giáo sư, văn nghệ sĩ. Đám quảng đại quần chúng này phải luân phiên nhau làm nô lệ đi dân công phục vụ đảng. Giai cấp thứ hai là những tên đầu trâu mặt ngựa táng tận lương tâm mù quáng theo đảng Cộng sản để hãm hại đồng bào. Bọn chúng được miễn trừ đi dân công. Chính đặc quyền mà đảng dành cho chúng để mua chuộc lòng trung thành đã khiến cho

bọn chúng trở nên kiêu ngạo hợm hĩnh và hách dịch thêm đối với dân.

II. — NHỮNG VIỆC ĐƯỢC XỬ DỤNG DÂN CÔNG

Theo bản điều lệ, thời nguy quyền được xử dụng dân công để làm các công tác về giao thông tiếp tế và một số công tác đặc biệt do đảng sẽ quyết định.

Các công tác giao thông nói trên đây chính là công tác đắp các con đường chiến lược từ Bắc Việt qua Lào, Bắc Việt sang Trung Cộng, những con đường bí mật xuyên sơn đào hầm để chôn vũ khí chuẩn bị biến miền Bắc thành một bàn đạp quân sự cho đế quốc đỏ. Các công tác tiếp tế phần lớn, đều là công tác gánh gạo, lương thực vũ khí đạn dược tiếp tế cho những nhóm phiến loạn Pathet Lào ở vùng biên giới Lào Việt.

Các công tác dân công trên đây đều rất nặng nhọc và nguy hiểm. Đã vậy, Việt Cộng còn xảo trá tăng gia sự bóc lột sức lao động của nhân dân bằng cách đặt ra một số công tác mệnh danh là « công tác địa phương ».

Đối với phụ nữ và những người trên 40 tuổi, Việt Cộng cũng cưỡng bách họ phải đi dân công. Cả những người ốm yếu cũng không được miễn trừ hoặc tạm hoãn vì không phải là tàn tật. Chế độ dân công của Việt Cộng đã quá khắt khe đến trở thành vô nhân đạo. Trong thực tế đó là sự cưỡng bách lao động.

Người làm công tác địa phương cũng phải chịu đựng nhiều gian khổ và mất nhiều thì giờ (công tác địa phương có thể kéo dài hàng tuần lễ) mà vẫn không được coi là đã hoàn thành nhiệm vụ dân công trong năm đó.

Tóm lại, nhân dân miền Bắc có thể bị Việt Cộng bắt ép đi lao động không công cho đảng để làm bất cứ một công việc nào. Các công tác địa phương hay công tác dân công đều nhằm phục vụ cho quyền lợi của đảng Việt Cộng và đế quốc Nga Hoa. Người dân miền Bắc bị bắt buộc hy sinh quá mức mà kết quả chẳng được hưởng gì.

III. — NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐI DÂN CÔNG

Cũng theo bản điều lệ của Việt Cộng :

1. — Thời gian đi dân công mỗi năm hạn định tối thiểu là 30 ngày không kể ngày đi, ngày về và ngày nghỉ.
2. — Dân công làm việc 9 giờ một ngày và phải làm liên tiếp trong 9 ngày mới được nghỉ một ngày.
3. — Khi đến công trường, dân công phải đem theo dụng cụ làm việc của mình.
4. — Chế độ làm việc của dân công chủ yếu là làm khoán. Công trường sẽ giao cho từng đơn vị dân công một khối lượng công tác và định thời gian phải hoàn thành. Làm chậm trễ quá hạn, dân công có thể bị trừng phạt và bắt buộc ở lại công trường cho tới khi xong việc.



Người đi dân công hầu như không được hưởng một quyền lợi gì để đền bù lại các công việc nặng nề và những hy sinh quá lớn lao mà họ bị bắt buộc phải chịu.

Việt Cộng tổ chức kỷ niệm lễ lao động 1 tháng 5 hàng năm vô cùng rầm rộ, chúng tuyên truyền bênh vực lao động bảo vệ lao động v.v... nhưng trên thực tế, chúng cưỡng ép dân công làm việc 9 giờ một ngày và phải làm việc chín ngày mới được nghỉ một ngày. (Tại Việt Nam Cộng Hòa và các nước dân chủ, lao động làm mỗi ngày 8 giờ và được nghỉ ngày chủ nhật, tiền công tối thiểu được ấn định do một đạo luật để bảo đảm mức sinh hoạt đầy đủ cho lao công).

Với chế độ làm khoán, dân công bất kể người tuổi tác hoặc phụ nữ đều phải làm việc tận lực như thanh niên cường tráng. Tuy Việt Cộng có hứa hẹn, sẽ cấp một số tiền thù lao nho nhỏ để tưởng thưởng những người lập được thành tích công tác vượt mức nhưng kinh nghiệm cho biết chưa bao giờ Việt Cộng thực hiện lời hứa. Dân công lo tiền ăn đường còn chật vật mà lại phải tự sắm thêm cả dụng cụ làm việc. Quả thực, bản điều lệ dân công của Việt Cộng đã khất khe quá sức tưởng tượng.

IV. -- CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐIỀU ĐỘNG DÂN CÔNG

Theo bản điều lệ thời chỉ thị từ Trung Ương đưa xuống nhưng Ủy ban hành chánh xã lại chịu trách nhiệm đảm bảo số lượng dân công và lãnh đạo dân công thực hiện đủ tiêu chuẩn và khối lượng công tác do cấp trên giao phó.



Lẽ lỗi làm việc thiếu thống nhất và quy trách nhiệm lên đầu kẻ dưới (U.B.H.C. Xã) là hành động hèn nhát thông thường của Cộng sản. Trong thời kỳ sửa sai sau cải cách ruộng đất, Việt Cộng đã từng hành động như vậy. Chúng quy tất cả những lỗi lầm do chúng gây ra, lên đầu một số cán bộ cấp dưới. Chúng giải thích rằng chủ trương chính sách của đảng rất đúng nhưng chỉ vì một số cán bộ thừa hành áp dụng sai nên mới gây nhiều điều oan ức trong nhân dân.

Ủy ban kế hoạch nhà nước chỉ có nhiệm vụ soạn thảo kế hoạch, Ủy ban hành chánh tỉnh ra lệnh huy động dân công còn việc kiểm soát dân công, thúc đẩy dân công làm việc là do Ủy ban hành chánh xã chịu trách nhiệm. Chung quy lại, dân chỉ biết ta thân oán trách cán bộ Xã mà thôi. Trong trường hợp sự phẫn uất của nhân dân quá cao đến có thể bùng lên thành một cuộc khởi nghĩa Việt Cộng chỉ việc đem xử tội mấy nhân viên trong Ủy ban hành chánh xã để yên lòng nhân dân.

Sự thật chúng lại điều động cán bộ đó lãnh nhiệm vụ quan trọng hơn ở nơi khác.

THỰC TRẠNG CỦA CHẾ ĐỘ DÂN CÔNG MIỀN BẮC

Mới nhận xét sơ lược bản điều lệ về xử dụng dân công trong thời bình của Việt Cộng, chúng ta nhận thấy đầy đủ những điểm bất công, vô nhân đạo. Trên thực tế, việc áp dụng bản điều lệ đó còn gây ra trong nhân dân những cảnh đau khổ uất ức không bút nào tả hết.

Tại các công trường Việt Cộng, người ta thấy rất nhiều trẻ em chừng 14, 15 tuổi và các ông già tóc bạc trắng. Nguyên do chỉ vì sợ thiếu số lượng dân công nên không hoàn thành đúng kỳ hạn các công tác được công trường giao phó, Ủy ban hành chánh xã đã cho cán bộ đi từng nhà lùng bắt cả trẻ em lẫn người già phải đi dân công thế những người vắng mặt. Những cảnh lời kéo dãi man gần như bắt cóc người để dẫn tới công trường thường xuyên diễn ra ở nông thôn miền Bắc.

Nhiều gia đình quá nghèo phải bán cả nhà và đồ đạc để lấy tiền mua dụng cụ làm việc và ăn đường (dân công phải đem theo dụng cụ làm việc của mình khi đến làm việc tại công trường).

Tuy trong bản điều lệ đính kèm nghị định số 338-TTG có ghi dân công được thù lao từ 60 tới 1đ. mỗi ngày nhưng ban quản lý công trường viện cớ chưa làm xong sổ sách nên từ chối không chịu phát tiền ngay. Chúng khôn khéo trì hoãn việc trả tiền thù lao để sau này, một khi đã trở về nhà, dân công sẽ bỏ không lãnh tiền và ngại đường xa đi mất thì giờ và trở ngại công việc làm.

Dân công làm việc tại công trường trong những điều kiện hết sức thiếu thốn và nguy hiểm. Việt Cộng chỉ mong sao đạt mức hoặc vượt mức kế hoạch nên thúc đẩy dân công làm việc suốt ngày đêm. Mặc dầu đã ấn định rằng dân công làm mỗi ngày 9 tiếng và sau chín ngày làm việc liên tiếp được nghỉ một ngày, Việt Cộng gian ngoan đặt ra những phong trào thi đua xã này thách thức xã kia làm việc quá giờ đã định. Nhân dân tuy rõ mưu mô xảo quyệt của Việt Cộng nhưng vẫn phải làm tăng giờ vì bị cán bộ theo dõi khủng bố. Số tai nạn lao động xảy ra nhiều vô kể. Các đồng bào vượt tuyến vào Nam đã tiết lộ rằng, tại công trường Bắc Hưng Hải đồ đồng một ngày có ít nhất 15 tai nạn khiến dân công người bị gãy tay, gãy chân hoặc chết. Nhiều phụ nữ bị truy thai vì phải gánh đất quá nặng.

Cách đối xử với bọn cán bộ đối với dân công vô cùng tàn tệ. Chúng luôn miệng chửi rủa dân công, coi con người không bằng thú vật. Phạm văn Bách một sinh viên vượt tuyến đã kể lại rằng : trong khi bị bắt đi dân công tại công trường đường sắt Hà Nội - Nam Quan anh bị sốt rét rất nặng. Thấy anh run lẩy bẩy khiêng « tà vẹt » đi một quãng lại dừng lại để thở. Tên Sách cán bộ công trường tưởng anh lười biếng đòi giam anh và dọa bắt đi trại « cải tạo ». Anh cố gắng phản trần nhưng tên Sách không nghe. Mãi tới khi anh lao động kiệt sức ngã ngất, đầu đập vào đá máu chảy chan hòa, tên Sách mới chịu cho anh nghỉ.

Kỳ đó, chị ruột anh mới ở cử xong, chưa được 6 tháng cũng phải đi dân công thay chồng bị ốm thương hàn. Chị anh đã phải đeo con sau lưng để gánh đá. Sau lần đi dân công đó, trở về, chị bị bệnh ngót nửa năm.

..

Cách đối xử tàn tệ của bọn cán bộ và chế độ dân công dã man của Việt Cộng đã gây một sự căm phẫn mãnh liệt trong nhân dân miền Bắc. Dân chúng ngấm ngấm tổ chức phản đối bằng cách phá hoại hoặc chỉ làm lầy lệ bề ngoài để che mắt bọn cán bộ. Trong tờ báo Lao Động, cơ quan ngôn luận của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Cộng ra trong tháng 7-1958 thù nhận dân công làm việc tắc trách nên mùa mưa, nhiều đoạn đường xe lửa Hà Nội - Lào Kay bị lún. Tờ Nhân Dân ra trong tháng 9-1958 cũng cho biết đập số 2 của công trường Bắc Hưng Hải bị nứt bê dãi cống chôn xi măng không kỹ. Nếu cán bộ công trường không khám phá, kịp thời sửa chữa thì cả một công trình của Việt Cộng bị nước cuốn phá tan.

Trong lịch sử loài người, chưa có một chế độ hay một thời đại nào mà người dân bị đẩy ải và bị bóc lột lao động tàn tệ hơn dưới sự cai tù của ngụy quyền Việt Cộng miền Bắc. Ngày xưa, hàng vạn con người đã phải lam lũ xây « Vạn lý trường thành » hay đắp những « kim tự tháp » không lẽ cho Tần thủy

Hoàng hoặc các bạo chúa Ai Cập. Cảnh tượng thương tâm đó thật chưa thấm vào đâu so với những cảnh đi dân công ở miền Bắc vì Tần thủy Hoàng chỉ bắt nhân dân đi dân công trong một thời gian rồi thôi. Trái lại Việt Cộng đã ban hành hẳn một nghị định, đặt ra những điều lệ khắt khe đề cưỡng bách nhân dân phải đi dân công cho chúng. đi mãi, năm nào cũng phải đi, đi cho tới lúc nhắm mắt vì kiệt sức.

**TÀI LIỆU CƯỜNG BẠCH
DÂN CÔNG CỦA VIỆT CỘNG**

TÀI LIỆU CUỒNG BÁCH DÂN CÔNG CỦA VIỆT CỘNG

Người Việt Nam nào khi mở đến trang thăm sử của 1.000 năm Bắc thuộc mà không phải thâm gan tìm ruột trước những cảnh tượng nằng chấy da phải vượt núi băng rừng để kiếm cho được sừng tê giác, đủ ngà voi, rét cắt ruột phải lặn xuống đáy bể mò châu trai, kiếm ngọc quý để cung phụng cho bề lũ Thái thú Tô Định - Mã Viện.

Người Việt Nam, quên sao được cảnh rút ruột treo lên cây, đốt người ép lấy mỡ của bọn sai lang Mộc Thạch - Trương Phụ !

Nghe nói mà rùng mình, đọc lên mà ghen ngào :

« Vì họ Hồ chính sự phiên hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ trí ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đã muôn nghìn khố ác chứa ngót 20 năm. Bại nhân nghĩa, nát cả cán khôn, nặng khoa liêm (thuế má) vết không sơn trạch : nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hồ bầy hươu đen, nào dưới dò chim sả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc, neho nhóc thay ! quan quả diên liên. Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mở bấy no nề chưa chán. Nay xây nhà, mai lấp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ, mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội ; dơ bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhịn được ».

(*Bình Ngô đại cáo*)

Cảnh nô lệ « người bóc lột người » ấy. Cộng sản đã hơn một lần lớn tiếng hô hét « đả đảo » thì đây ngày 27-7-1957, giữa kỷ nguyên « nguyên tử » Phạm văn Đồng với chức vị Thủ Tướng chính quyền miền Bắc lại ban hành một điều lệ qui định việc « xử dụng con người » như sau :

Điều lệ tạm thời về việc Huy động và xử dụng dân công trong thời bình.

NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ ĐI DÂN CÔNG

Tất cả công dân Việt Nam đàn ông từ 18-50, đàn bà từ 18-45 tuổi.

a) — *Được miễn :*

- Ủy viên thường trực U.B.H.C. xã, thị trấn, thư ký văn phòng U.B.H.C. xã, thị trấn.
- Vợ hay chồng người thương binh tàn phế nếu người thương binh phải sống nhờ vào vợ hay chồng.
- Cán bộ và nhân viên Chính phủ, giáo viên các trường công và tư.
- Công nhân và lao động đang làm việc trong các xí nghiệp nhà nước.
- Người làm mục sư.

b) — *Được tạm miễn :*

- Bộ đội phục viên về xã chưa được một năm.
- Cán bộ nhân viên Chánh phủ ra ngoài biên chế, về xã chưa được một năm.
- Đồng bào tập kết đi tự túc chưa được một năm.
- Phụ nữ có thai.
- Đàn bà nuôi con còn bú.

c) — *Được tạm hoãn :*

- Người trực tiếp làm nghề thủ công nghiệp đã ký hợp đồng sản xuất với mẫu dịch.

NHỮNG VIỆC ĐƯỢC XỬ DỤNG DÂN CÔNG

— Tất cả các công tác của kế hoạch nhà nước.

Công tác vận tải tiếp tế cho bộ đội ở những vùng rừng núi không thể dùng được những phương tiện vận tải ô-tô, thuyền, xe trâu, ngựa thồ và không thể thuê mượn được nhân công.

Những công tác đặc biệt được Thủ Tướng Phủ cho phép dùng dân công.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI NGƯỜI ĐI DÂN CÔNG

- Không kể ngày đi ngày về, mỗi người mỗi năm phải đi một tháng.
- Mỗi ngày làm 9 giờ sau 9 ngày làm được nghỉ 1 ngày.
- Trên công trường dân công phải tôn trọng luật lao động, phải phục tùng tổ chức lãnh đạo.
- Phải đem theo dụng cụ làm việc của mình.
- Chế độ dân công là làm khoán, trừ công việc nào không giao khoán được thì làm công nhật (600 đồng dân công thường, 800 đồng dân công vận tải, 800 đồng — 1.000 đồng dân công thợ).
- Tuy làm công nhật dân công cũng phải bảo đảm chất lượng và số lượng công tác hàng ngày do công trường ấn định.
- Nếu không thực hiện công tác đúng yêu cầu và tiêu chuẩn đã định mà phải làm thêm ngày để làm cho đủ hoặc làm lại thì trách nhiệm thuộc về dân công, công trường không trả thêm tiền thù lao.
- Những ngày nghỉ thường lệ, nghỉ vì bị thương, bị ốm, vì chờ đợi việc, vì mưa bão, lụt, dân công sáng đi tối về nhà thì không được thù lao trong những ngày nghỉ việc.
- Dân công ốm có thể xin về gia đình điều trị. Dân công về gia đình điều trị nếu có đề nghị của y tá hay ban chỉ huy đại đội thì sẽ được công trường tùy khả năng cấp cho một số thuốc dùng trong lúc đi đường.

Trải qua bao cơn ác mộng kinh hoàng của 9, 10 năm khói lửa, ngày nay, người dân mỗi khi nghĩ tới 2 chữ « dân công » đều cảm thấy như bủn rủn chân tay vì những hình ảnh núi đồi Việt Bắc, suối rừng khu Tư, đã làm ngã gục hàng muôn vạn ức sinh linh, thân con người Việt Nam không bằng xác bò lừa trâu ngựa !

Tưởng rằng tích cực tiêu thổ kháng chiến, trường kỳ gian khổ, thì đua vượt mức đề trông chờ ngày hưởng hạnh phúc thì trở trêu thay ở Hà Nội bọn tay sai Nga Tàu, ngày 27-7-57, sau 3 năm : Hòa bình được tái lập » đã không úp mở, tuyên bố trắng trợn :

« Trong thời kỳ kháng chiến, nhân dân ta đã từng chịu đựng gian khổ, hiêng hủi làm nghĩa vụ dân công góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

« Từ ngày hòa bình lập lại, một số lớn công tác được hoàn thành, cũng nhờ sự đóng góp sức lực của nhân dân.

« Trong công cuộc khôi phục và kiến thiết kinh tế Nhà Nước còn phải dựa vào nhân dân để làm công việc ích lợi cho nhân dân.

« Vì vậy mỗi người công dân có nghĩa vụ *phải đi dân công* »

Còn đâu là mộng « vàng của thiên đàng Cộng sản ». Có chăng chỉ dành cho mấy ông nhân viên chính phủ và « đồng chí cán bộ » đảng viên của họ.

Mĩa mai thay, với chiêu bài « nam nữ bình quyền, để thu thuế « đảm phu quốc phòng » thì lời hứa « giải phóng phụ nữ » là câu thần chú để huy động «dân công » lừa cả giới phụ nữ yếu đuối, buộc xung phong cũng cuộc xéng, thúng mẹt chờ lệnh « Đảng và Chính phủ » phiêu lưu khắp nẻo đường, vượt suối băng ngàn thay : « xe trâu, ngựa thồ ».

Vì « lao động là vinh quang » Nguyễn văn Tạo, đã phải cẩn thận giải thích số 600 đồng — 1.000 đồng (ngân hàng Việt

Cộng) kia chỉ là tiền « thù lao » cho những ngày « phấn khởi » làm việc 9 giờ liên tiếp, bất chấp cả luật lệ lao động, 48 giờ 1 tuần ! Thử hỏi người dân miền Bắc có thể chịu đựng nổi cái chế độ thù lao « liên tiếp đó trong suốt 30 ngày tròn, tận lực, cho đúng kế hoạch, đúng mức để mới được hưởng 600 ... 1.000 đồng giữa lúc gạo 450 đồng một ký, thịt heo 5.700 đồng một ký, cá 3.500 đồng, trứng vịt 260 đồng một hộp, rau muống 50 đồng một mớ, vải 3.000 đồng một thước, aspirine 25 đồng một viên, émetine 900 đồng một ống ! Ấy là chưa tính kể đến những thủ thuốc công dụng hơn chút như aureomycine 900 đồng một viên, terramycine 1.500 đồng một viên, pénicilline 2.400 đồng một lọ.

Do đó, vô phúc, nhờ ra người dân công có bị cảm sốt, ngã nước hoặc rủi ro tai nạn gì, đều được công trường cho « về gia đình điều trị » vì muốn uống được 6 viên aspirine, người dân công phải trả đi một phần 4 tiền « thù lao », chích một mũi émetine phải mất một công rưỡi, chích một mũi pénicilline phải làm đủ 4 ngày trọn 36 giờ !

Lao động là vinh quang, tất nhiên đau ốm quả là « một vinh dự » dưới chế độ Cộng sản.

Lao động được thù lao theo chế độ làm khoán, kỳ bất đắc dĩ không thể tính khối lượng một cách cụ thể thì mới dùng cách chấm công, nhưng vẫn phải bảo đảm chất lượng và số lượng công tác hàng ngày do công trường ấn định, đề nếu công dân công không thực hiện đúng yêu cầu và tiêu chuẩn đã định mà phải làm thêm ngày, hoặc làm lại thì công trường *không trả thêm tiền thù lao !*

Bản điều lệ cũng cần thận nghĩ cả tới những ngày trái nắng, trở gió, mưa bão, lụt lội không thể tiếp tục được công tác, và đặc ân cho nghỉ thêm 5 ngày lễ, nhưng dân công sáng đi tối về *vẫn không được hưởng một khoản thù lao* nào cả, thế tức là « tay có làm thì hàm mới được nhai ». Chế độ lao động, công nhân lãnh đạo là thế đó.

« Máy móc tối tân của Nga sẽ vĩ đại và các nước huynh đệ
« trong khối xã hội chủ nghĩa 'hứa giúp đỡ để ở đâu ? hay là
« chỉ rập theo phương pháp trâu ngựa hóa' con người của
« họ Mao để một công đôi việc :

— Gấp rút xây dựng đồn ải, đường xá chiến lược để chuẩn bị chiến tranh.

— Tích cực tăng gia vượt mức để đủ sản phẩm dâng nộp cho quan thầy Nga Tàu.

Hơn nữa, chính sách dân công áp dụng cho mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc, nhằm mục đích thâm độc là để thanh toán tất cả những phần tử trí thức liệt kê là « lưng chừng » công thương kỹ nghệ gia « ngoan cố » trung, tiểu nông dân « phản động » không chịu khuất phục chế độ độc tài đảng trị của chúng.

Sau các đợt đấu tố, đã sát hại bao nhiêu sinh linh ở miền Bắc, chính sách dân công này của Việt Cộng sẽ càng khốc liệt hơn bội phần.

Giàn hiềm hơn nữa, ban hành luật cưỡng bách dân công, Việt Cộng còn nhằm mục tiêu hiềm độc và trường kỳ ít ai nghĩ tới, là phá hủy dần dần nền tảng gia đình, vì tất cả phụ nữ từ 18 đến 45 tuổi, nếu không « may mắn » được liệt kê ở hạng được miễn, đều phải bỏ buộc đi công trường.

Chồng hết hạn, nếu còn tốt phúc kéo lê được cái « thân tàn ma dại » về tới nhà, tất nhiên bà vợ yêu quý cũng lập tức được lệnh lên đường phục vụ cho đủ 30 ngày tròn ! Bà luật sư, bác sĩ cũng như vợ công chức, thương gia !

Bà có mang hay vướng con mọn ư ? Bà chớ vội mừng thầm là sẽ được « tạm miễn » ! Trong bản điều lệ không ghi rõ : có mang được mấy tháng, cho con bú đến tháng thứ mấy, sẽ được « tạm miễn » thì số phận của các bà tất nhiên sẽ do ủy ban xét định.

Cái Ủy ban đó là gì ! là Ủy ban kế hoạch nhà nước có nhiệm vụ thảo kế hoạch « thi đua » theo nhu cầu lúc nào cũng

là « vượt mức » thì các bà hãy rút kinh nghiệm ở thời « dân công tiếp vận 1950-1954 » :

« Tiếp vận đã đến nay mai

Sao bà lại nói có thai ở nhà

Chính sách Đảng đã đề ra

Bà còn trốn tránh mời bà vào lao » (nhà tù)

« Chồng cần vụ, vợ dân công

Đàn con nheo nhóc khổ không già Hồ »

« Con ơi con bú cho lâu

Mẹ đi tiếp vận bữa sau mẹ về »

(Tôi đi công tác, trang 32-33-34)

Núi rừng Việt Bắc, đường xuyên sơn Việt Lào còn ngồn ngang đầu lâu và xương khô của trăm ngàn vạn ức lương dân Việt Nam đã gục ngã vì lam sơn chướng khí, vì muỗi rừng, nước độc hoặc chính vì « mũi thuốc tiêm » nham hiểm của bọn cán bộ tàn bạo, khát máu.

Ghê rợn thay, phải chăng lời thề « thà cả nước Việt Nam bị tiêu diệt chứ không thề để một người Việt Nam nào là không Cộng sản » của tên đồ tề Võ nguyên Giáp, nay đã chuyển sang giai đoạn thực hiện ?

Thâm độc thay, sau một thời gian tạm nghỉ, gọi là nói rộng trong kế hoạch « sửa sai » để đủ thời giờ chấn chỉnh, nghiên cứu, Việt Cộng lại thắt chặt xiềng xích vào đầu cổ hơn 10 triệu người dân miền Bắc ác liệt và tàn bạo hơn bao giờ hết.

Nhưng gương Ba Lan, Hung gia Lợi, Quỳnh Lưu còn đó. Chúng ta, người dân miền Nam đang được hạnh phúc sống trong đất tự do, càng phải nỗ lực thực hiện dân chủ, chính trị, kinh tế và xã hội để làm tròn nhiệm vụ thứ 4 mà TỔNG THỐNG đã đề ra trong ngày Song Thất là :

« Gây nguồn cảm hứng cho đồng bào miền Bắc trong công cuộc tranh đấu để giải thoát Bắc phần khỏi ách Cộng sản ».

***NHỮNG THẤT BẠI VỀ CHÍNH SÁCH
“TẬP SẢN” CỦA VIỆT CỘNG***

NHỮNG THẤT BẠI VỀ CHÍNH SÁCH « TẬP SẢN » CỦA VIỆT CỘNG

MỞ ĐẦU

Sau khi ký thỏa hiệp chia đôi đất nước với thực dân Pháp vào tháng 7 năm 1954, nắm được chính quyền miền Bắc là Việt Cộng bắt đầu thực hiện ngay chính sách « tập sản » với mục đích :

- Tập trung tài sản của nhân dân miền Bắc vào trong tay Đảng (Việt Cộng).
- Bần cùng hóa nhân dân để biến họ thành những công cụ sản xuất của Đảng.

Trong kế hoạch thực hiện, Việt Cộng chia làm 2 giai đoạn :

I — *Giai đoạn thứ nhất* bắt đầu từ năm 1954 đến hết năm 1958 là thời gian chuẩn bị. Trong giai đoạn này, một mặt Việt Cộng chủ trương tiêu diệt từng bộ phận nông, công, thương một và kìm hãm dần dần đến mức tiêu diệt nền kinh tế tư nhân. Ở nông thôn, chúng đánh thuế nông nghiệp rất nặng và ráo riết để tiêu diệt trung, phú nông và địa chủ. Ở đô thị, chúng đánh thuế công thương nghiệp « cắt họng » để đẩy công, thương gia tới chỗ phá sản, không còn đủ khả năng để mở mang kinh doanh nữa.

Mặt khác, chúng ra sức phát triển thành phần kinh tế của Đảng như tổ chức « Mậu dịch quốc doanh » để chèn ép thương gia tư nhân, tổ chức xí nghiệp quốc doanh để cạnh tranh với xí nghiệp tư nhân. Riêng ở nông thôn, sau khi thực hiện xong cải cách ruộng đất là chúng thành lập ngay các « tổ đổi công » để dần dần nông dân lại thành những toán nhỏ, đặt dưới quyền kiểm soát và điều khiển của Đảng.

2 — *Giai đoạn thứ hai* bắt đầu từ năm 1958 đến hết năm 1960 (kế hoạch 3 năm) là giai đoạn chúng triệt để thực hiện chính sách « tập sản ». Về nông nghiệp chúng tổ chức « hợp tác xã nông nghiệp » để tập trung ruộng đất của nông dân ; về công, thương nghiệp chúng tổ chức « công tư hợp doanh » để cưỡng đoạt tài sản của công, thương gia.

Chủ trương của Việt Cộng là sẽ hoàn thành việc « Vô sản hóa » nhân dân và sẽ tiêu hủy hết cơ cấu kinh tế cũ để lập một nền kinh tế mới do Đảng hoàn toàn chỉ phối.

Vì vậy, trong khi thực hiện âm mưu này chúng đã vấp phải sức phản kháng mạnh mẽ của nhân dân. Và cũng vì thi hành chính sách « tập sản », Việt Cộng đã làm tê liệt mọi ngành hoạt động, đẩy nền kinh tế miền Bắc lần lần đi đến chỗ suy sụp.

Mặc dầu Việt Cộng đã áp dụng nhiều biện pháp đàn áp và cưỡng bách để ngăn ngừa nhưng chúng cũng không thể tránh khỏi được những thất bại nặng nề sẽ trình bày sau đây.

1. — THẤT BẠI VỀ TỔ CHỨC « TẬP THỂ »

1) — *Hợp tác xã nông nghiệp bị tan rã.*

Trọng tâm kế hoạch ba năm của Việt Cộng là kinh tế nông nghiệp ; nhằm chuyển biến nền kinh tế nông nghiệp « phân tán » trong tay nhân dân sang nền kinh tế nông nghiệp « tập trung » vào trong tay Đảng. Để thực hiện âm mưu đó Việt Cộng đã tổ chức các « hợp tác xã nông nghiệp ». Trong kế hoạch thực hiện, chúng đã áp dụng những hình thức từ nhỏ đến lớn, từ thấp lên cao, để lừa hết nông dân vào các tổ chức tập thể dưới sự chỉ huy của Đảng.

Tổ đời công hình thức tổ chức thấp nhất là tổ đời công từng việc, từng vụ, rồi tiến dần đến tổ đời công thường xuyên có bình công, chấm điểm. Đưa ra tổ chức này Việt Cộng chủ tâm là tập dượt cho nông dân quen dần với lối sống tập thể và thuần phục vâng theo mệnh lệnh của Đảng.

Hợp tác xã — Cao hơn một bước nữa là hợp tác xã cấp thấp rồi đến hợp tác xã cấp cao. Trong điều lệ, hợp tác xã bắt đầu đưa ra các điều kiện bó buộc nông dân, là xã viên phải tuân theo như góp vốn, góp ruộng, vườn và nông cụ : trâu, bò, cây, bừa... mà không được lấy ra. Xã viên chỉ được hưởng một phần nào hoa lợi để đủ sống do sự quyết định của ban quản trị hợp tác xã mà hầu hết thành phần là Đảng viên.

— Khi đã vào « hợp tác xã » nhất là các hợp tác xã cấp cao người nông dân bị mất hết mọi quyền tự do. Về sinh hoạt Việt Cộng bắt ăn tập trung, thanh niên phải ngủ tập trung, con nhỏ phải gửi vào « nhà giữ trẻ » giờ giấc làm việc cũng do « ban quản trị » chỉ định và đặt mức thi đua. Thường thường xã viên phải làm việc từ 10 đến 12 tiếng một ngày (cả tối). Về công lao động chúng đặt rất thấp. Mức cao chỉ được 1kg500 thóc mà mức thấp chỉ được 0kg500 thóc một ngày công. Vì vậy, những thanh niên làm khỏe mới đủ ăn, còn người già hay phụ nữ làm yếu thì thiếu ăn. Về mức sản xuất qua mấy vụ liền, nhiều hợp tác xã lại kém hơn mức thu hoạch của nông dân đứng ngoài hợp tác xã. Do đó, tinh thần cả cán bộ lẫn xã viên đều hoang mang giao động. Trong thời kỳ giáp hạt tháng 8-1959 và tháng 4 năm 1960 vừa qua trong nhiều hợp tác xã có tới 1 phần 3 xã viên bị đói, Việt Cộng đã xoay ra tổ chức « lộ gạo tiết kiệm » để bắt xã viên bớt bớt cu rư mang lấy nhau như ở hợp tác xã Hưng Đạo (thuộc huyện Tứ Kỳ, Hải Dương). Thế là các xã viên đã đói lại bị đói thêm. Trong khi đó tại nhiều nơi Việt Cộng có thóc đầy trong kho nhưng chúng không chịu bỏ ra để trợ cấp cho xã viên. Trước sự kiện ấy, xã viên vô cùng phẫn uất. Vì thế, phong trào nông dân đòi rút ra khỏi hợp tác xã mỗi ngày mỗi đông. Trong tháng 7 và 8 năm 1959, ở huyện Tứ Kỳ (Hải Dương) có 448 gia đình nông dân ra ; xã Phượng Hoàng có 117 gia đình ra ; thôn Đồng Đội xã Thông Khê có 115 gia đình ra ; riêng ở tỉnh Sơn Tây có cả nghìn gia đình nông dân đòi ra một lúc v.v...

Để ngăn chặn không cho nông dân ra hợp tác xã, một mặt Việt Cộng bắt nông dân phải đi học tập lại tài liệu « 2 con

đường, làm ăn riêng lẻ và làm ăn tập thể, đường nào lợi hơn ? (1) » đề củng cố tinh thần cán bộ và xã viên. Mặt khác chúng ra điều kiện là nông dân nào ra hợp tác xã phải để lại một phần ruộng tốt và trâu bò cho hợp tác xã « thuê » với giá quy định rất rẻ mạt. Song đầu năm 1960, phong trào nông dân đòi ra hợp tác xã lại càng đông, Việt Cộng đã ra lệnh cấm hẳn không cho nông dân ra nhưng, nông dân vẫn tìm cách trốn ra khỏi hợp tác xã. Đối với số ít người còn ở ngoài hợp tác xã, Việt Cộng tìm cách bao vây nhân công, trâu bò và mậu dịch quốc doanh của chúng không bán thóc giống và phân bón (thóc và phân bón Việt Cộng giữ độc quyền mua bán) để buộc họ phải ở lại hợp tác xã.

Những nông dân không được ra hợp tác xã thì tìm cách phá hoại. Hình thức phổ biến nhất là lấn công, làm chiều lẹ, bỏ mặc trâu bò đói không chăn dắt, đẵn phá cây cối, nạy từng hòn gạch và phá hủy các kho tàng của Việt Cộng. Tháng 8 năm 1959 nông dân đã lén đốt 2 kho thóc ở cách tỉnh lỵ Hà Đông có 2 cây số và 1 kho thuốc bắc ở Thanh Hóa.

Hiện nay trong các hợp tác xã của Việt Cộng, nói chung, về tổ chức về sản xuất, về sinh hoạt chúng vẫn không sao ổn định được. Tình trạng nông dân phản kháng mỗi ngày một mạnh.

Ở một vài nơi Việt Cộng có tổ chức một vài nông trường như « nông trường quân đội », « nông trường đồng bào miền Nam tập kết » (tại các vùng Trung du và miền núi) để làm thí điểm, hướng chính của các nông trường này là vỡ hoang và tự cung cấp lấy lương thực. Nhưng một phần vì bờ ngõ công việc, phần vì khí hậu quá độc thiếu thuốc men, sinh ra ốm đau, một phần vì thiếu phương tiện canh tác, và điều quan trọng nhất là sự chán nản và hoạt động chống đối của nhân dân nên các nông trường này bị suy sụp nặng nề nhất.

— Theo tin đài phát thanh Hà Nội vào đầu tháng 6-1960 vừa tiết lộ thì gần đây Nga Sô và Trung Cộng đã phải cho một số chuyên viên sang thành lập một vài nông trường làm « kiểu mẫu » để củng cố tinh thần giao động của cán bộ Việt Cộng

trước những thất bại liên tiếp và để lấy lại tin nhiệm, hòng làm dịu bớt sự phẫn nộ trong dân chúng. Nhưng đến nay, vẫn theo nguồn tin trên các nông trường « kiểu mẫu » này cũng chưa đem lại được kết quả nào và cũng chẳng gây được ảnh hưởng gì trong dân chúng.

2) — « Công tư hợp doanh » bị thiếu vốn, thiếu nguyên liệu.

— Ngay từ đầu năm 1958 Việt Cộng đã bắt đầu thực hiện chính sách « công tư hợp doanh ». Nhưng, trong đợt đầu, mỗi ngành chúng chỉ chọn một vài nhà công, thương gia bắt vào « công tư hợp doanh » để làm thí điểm. Sang 1959 và 1960 chúng mới ráo riết thực hiện chính sách này để chiếm đoạt hẳn tài sản của công, thương gia. Trong kế hoạch thực hiện, Việt Cộng bắt các nhà thương gia đi tẩy não, trong vòng 2, 3 tháng, bắt làm bản « thú tội » và đưa ra đấu trường để đấu tố không khác gì cảnh đấu tố trong các đợt cải cách ruộng đất vào năm 1953, 1954 mà chúng đã thực hiện (xin coi tài liệu « Đến lượt công thương gia bị đấu tố »). Đấu tố xong, Việt Cộng bắt các nhà, công, thương phải về kê khai tài sản và ký giấy vào « công tư hợp doanh » để nhượng lại tài sản và xí nghiệp cho đảng. Sau đó, Việt Cộng bắt họ phải đi lao động ở các công trường hoặc ở ngay các xí nghiệp của họ trước, nếu chúng xét thấy các xí nghiệp này còn phải cần đến khả năng chuyên môn của họ. Đa số các nhà tư sản vì thiếu sức lao động nên làm không đủ ăn, gia đình lâm vào cảnh túng đói. Phần vì bị mất hết tài sản, phần bị ngược đãi sỉ vả, nên các nhà tư sản hết sức phẫn uất, có người đã tự sát. Những người chưa bị « công tư hợp doanh » thì tìm mọi cách rút vốn về, buôn bán cầm chừng. Những người đã bị vào « công tư hợp doanh » thì bất mãn, chỉ làm chiếu lệ để đủ sống, không chịu hợp tác với Việt Cộng.

Vì vậy, các xí nghiệp « công tư hợp doanh » của Việt Cộng hiện nay lâm vào tình trạng thiếu vốn, thiếu nguyên liệu và nhất là thiếu các chuyên viên lành nghề. Về mức sản xuất cũng như về chất lượng các sản phẩm đều kém hơn trước nhiều mà giá vốn rất cao, và nhiều ngành hoạt động bị ngừng trệ hẳn.

Tính đến nay theo tin đài phát thanh Hà Nội ngày 18-6-60 tiết lộ, ở miền Bắc, đã có tới 80.430 tiểu thương bị Việt Cộng bắt tập trung vốn vào các « hợp tác xã buôn chung, bán chung » của Đảng và phải làm « nhân viên chuyên nghiệp » đi bán hàng cho Mậu dịch quốc doanh. Và trên 3 vạn tiểu thương bị bắt buộc giải nghệ buôn bán để đi lao động ở các công trường. Và có tới 75% tổng số công thương gia bị cưỡng bách vào « công tư hợp doanh ».

3) — « Mậu dịch quốc doanh » gặp khó khăn, trở ngại.

Việt Cộng tổ chức « mậu dịch quốc doanh » để thay thế các thương gia tư nhân, nắm độc quyền buôn bán cùng phân phát hàng hóa trên thị trường miền Bắc. Tổ chức « mậu dịch quốc doanh » của Việt Cộng trực tiếp mua bán với nhân dân.

Về tổ chức, Việt Cộng đặt cửa hàng mậu dịch ở khắp các nơi từ thành thị tới thôn quê, từ miền xuôi tới miền ngược để chèn ép, mua tranh, bán cướp hàng hóa với giới tiểu thương. Chi ngành của Mậu dịch quốc doanh là các cửa hàng « kinh tiêu » (chuyên bán hàng lẻ cho mậu dịch) và tổ chức « hợp tác xã mua bán ». Những tổ chức này tiêu thụ hàng cho « mậu dịch quốc doanh » và ngược lại vơ vét thu mua hàng hóa và các nguồn lợi khác như nông, lâm, thổ sản của nhân dân.

Về mua, bán Việt Cộng bắt buộc nhân dân có hàng hóa phải kê khai và phải mua bán thẳng với mậu dịch của chúng theo giá quy định chứ không được phép mua bán lén lút với tiểu thương nói riêng, hết nghề làm ăn sinh sống. Những hàng Việt Cộng bán cho nhân dân thường là xấu và đắt hơn giá trên thị trường và ngược lại giá mua chúng lại ấn định rất hạ nên dân chúng hết sức ta thán. Không những thế, tất cả phẩm vật cần thiết như, thóc, gạo, thuốc tây, vải... chúng đều bắt buộc nhân dân phải mua theo phiếu và chỉ được mua một số hàng tối thiểu mà chúng đã ấn định cho mỗi nhân khẩu trong một năm.

Hiện nay các tổ chức « mậu dịch quốc doanh » của Việt Cộng đang gặp nhiều khó khăn lớn như sau :

— Không có đủ mặt hàng để cung cấp cho nhu cầu của nhân dân.

— Không điều hòa được việc phân phối hàng hóa trên thị trường vì thiếu phương tiện vận chuyển ; hàng hóa bị ứ đọng, do đó gây nên tình trạng chỗ thừa, chỗ thiếu.

— Số lượng hàng hóa chúng tập trung vào Mậu dịch quốc doanh quá lớn, chúng không bảo quản xuê nên hàng hóa bị hư hỏng nhiều.

— Không có đủ nhân viên có khả năng điều khiển, quản trị cho nên mới xảy ra những sự khuyết điểm như vậy.

4) — *« Quản lý tiền mặt và quý kim » bị nhân dân phản kháng*

Về việc quản lý tiền mặt và bảo quản quý kim, Việt Cộng đã thực hiện từ cuối năm 1958. Sang đầu năm 1959 Việt Cộng đã trắng trợn phát hành tiền ngân hàng mới thay thế cho tiền ngân hàng cũ bị mất giá và đồng thời cũng là biện pháp để kiểm soát và tập trung tiền mặt của nhân dân vào trong tay Nhà Nước tức là Đảng. Đơn vị tiền tệ, chúng đã ấn định thay đổi theo tỷ lệ một đồng tiền ngân hàng mới ăn một nghìn đồng tiền ngân hàng cũ.

Về thể lệ đổi tiền chúng hạn cho nhân dân chỉ được phép đổi tối đa là 2.000 đồng tiền mới, số tiền còn lại phải đổi lấy « séc » và khi muốn lấy tiền ra phải có lý do chính đáng (!) và phải có giấy phép của cơ quan hành chánh địa phương.

Vàng bạc, ngọc thạch, kim cương cũng do Nhà Nước (Đảng) quản lý. Việc mua, bán, đổi chác và lưu trữ vàng bạc hay các loại đá quý trong nhân dân đều bị chúng cấm hẳn. Đồ nữ trang dù người dân mang một chỉ vàng cũng phải khai và phải có giấy phép.

Cũng như về tiền mặt nhân dân cũng chỉ được phép giữ một số tiền nhỏ để chi tiêu, lát vặt, số tiền còn lại chúng bắt mọi người phải gửi vào quỹ « tiết kiệm » của Đảng.

Tuy nhiên, trong khi thực hiện chính sách trên, Việt Cộng đã vấp phải nhiều sức phản ứng của nhân dân. Nhiều người

có vàng bạc đã tìm cách chôn dấu, không chịu kê khai hoặc giả có tiền dư đã đem tiêu hủy chứ không chịu đồi lấy « séc » hay gửi vào quỹ « tiết kiệm » của Việt Cộng. Vì mọi người đều thừa hiểu rằng có tiền hay vàng bạc gửi vào quỹ « tiết kiệm », hay đồi lấy « séc » của Việt Cộng thì cũng cầm bằng là mất không, chứ bao giờ mà chúng lại cho phép lấy ra. Hơn thế nữa, lại mua họa vào mình, sẽ bị chúng khép vào thành phần « tư sản », chúng sẽ theo dõi, nghi ngờ và gây khó khăn về sau.

II. -- THẤT BẠI VỀ SẢN XUẤT

1) -- Sản xuất nông nghiệp bị hụt mức kế hoạch.

Về sản xuất nông nghiệp trong năm 1959 Việt Cộng đã đốc thúc dân chúng phải « cải tiến kỹ thuật canh tác », rạp theo kiểu mẫu của Trung Cộng, cày thật sâu, cấy thật dày.

Nhưng, *những ruộng cấy theo kiểu cách này đều bị ộp và ngả non thu hoạch rất kém*. Do đó, vụ mùa vừa qua, khi vận động phong trào « cải tiến kỹ thuật canh tác » này, Việt Cộng đã bị nhân dân cực lực phản đối. Nhiều người nói thẳng với cán bộ Việt Cộng rằng : « cày cấy như vậy chỉ có nước là ỉn rơm » và bỏ dở ruộng không cấy nữa. Và cũng vì vậy mà sản lượng thóc thu hoạch trong năm 1959 của Việt Cộng đã bị hụt mức kế hoạch sản xuất rất nhiều.

— Theo báo cáo của Phạm văn Đồng đọc ngày 23 tháng 12 1959 tại khóa họp Quốc hội Việt Cộng lần thứ 11, mức sản xuất bị hụt như sau :

— Sản lượng thóc bị hụt mức tới 1 triệu tấn.

— Năng xuất lúa chiêm bị hụt mức 1 tạ một mẫu tây.

— Năng xuất lúa mùa bị hụt mức tới 5 tạ một mẫu tây.

và theo đài phát thanh Hà Nội ngày 11-5-1960 tiết lộ thì vụ chiêm này bị kém tới trên 5 tạ một mẫu. Nguyên nhân thất thu là vì đầu vụ bị hạn hán kéo dài mà tinh thần nhân dân lại không ổn định bất mãn, nên không tích cực chống hạn, không tích cực sản xuất.

2) — Sản xuất công nghiệp bị ngừng trệ.

Từ sau khi thực hiện chính sách « công tư hợp doanh », ngành công nghiệp ở miền Bắc bị ngừng trệ hẳn. Suốt trong 2 năm thực hiện « Kế hoạch Nhà nước » (1958 và 1959) ngành công nghiệp của Việt Cộng chỉ mới chế tạo thêm một vài thứ hàng như lưới cây, đồ dùng bằng nhựa, và tráng men... ngoài ra không chế tạo thêm được thứ gì về máy móc.

Về mức sản xuất, nói chung, so với năm 1956, 1957, tức là thời gian chưa thực hiện chính sách « tập sản », bị sút kém hẳn, phẩm chất hàng hóa rất xấu. Điều đáng chú ý là trong 4 xí nghiệp thuộc Bộ Công Nghiệp của Việt Cộng, những xí nghiệp không đạt được kế hoạch năm 1959 lại là những xí nghiệp quan trọng vào bậc nhất như : mỏ than Hồng Gai, Cẩm Phả, nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định, hai nhà máy cơ khí Hà Nội và Trần Hưng Đạo v.v...

Tình trạng công nghiệp bị ngừng trệ đã ảnh hưởng nhiều đến giá cả hàng hóa trên thị trường. Mặc dầu Việt Cộng đã áp dụng nhiều biện pháp giữ độc quyền nhưng đến nay chúng vẫn không sao ổn định được giá cả.

Vì các món hàng cần thiết đều khan hiếm cho nên lại nảy ra nạn chợ đen trầm trọng qua những vụ mua bán lén lút.

III. — NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI

Tính từ năm 1954 đến nay (1960) đã hơn 6 năm, ở miền Bắc, Việt Cộng không từ một thủ đoạn nào, kể cả phỉnh phờ, đàn áp, khủng bố, nhằm thực hiện chính sách « tập sản » để cướp đoạt tài sản và khai thác đến cùng kiệt sức lao động của nhân dân. Nhưng, trong khi thực hiện, chúng đã bị tan rã, phong trào nông dân đấu tranh đòi ra hợp tác xã mỗi ngày một đông ; về tình hình kinh tế nói chung, càng ngày càng suy sụp.

Nguyên nhân thất bại này là vì :

1) *Viết Cộng không đủ khả năng để quản lý mọi mặt.*

Thực hiện chính sách « tập sản » Việt Cộng đã tập trung tất cả nền kinh tế miền Bắc vào trong Đảng. Vì phạm vi hoạt động quá rộng lớn và phức tạp, chúng không kiểm soát nổi, nên cán bộ của chúng đã không đủ khả năng chuyên môn để điều khiển công việc lại còn tham ô, hủ hóa, lũng đoạn cơ quan. Hàng hóa dù các loại chúng tập trung thật nhiều không bảo quản xuể, ứ đọng không điều hòa được thị trường. Vì vậy gây ra tình trạng chỗ thừa, chỗ thiếu, không đủ mặt hàng cần thiết để cung cấp kịp thời cho nhu cầu của dân chúng, và không ổn định được giá cả trên thị trường. Các cơ quan xí nghiệp hằm mỗ thiếu nhiều chuyên viên rành nghề, cán bộ của chúng, mang ra thay thế các nhà tư sản và các chuyên viên cũ bị chúng gạt ra, hầu hết là mới tập nghề, thiếu kinh nghiệm, non kém, không đủ khả năng điều khiển các nhà máy. Kết quả là một sự thảm bại, mặc dầu chúng lãng phí bao nhiêu nhân công, vật liệu.

2) *--- Thiếu nguyên liệu, phương tiện sản xuất.*

Nguyên liệu và dụng cụ, máy móc là hai vấn đề chủ yếu để phát triển sản xuất. Nhưng, hiện nay ở miền Bắc, hầu hết các phương tiện sản xuất cũ bị chiến tranh tàn phá Việt Cộng chưa có phương tiện mới để thay thế, chúng phải xử dụng các phương tiện sản xuất thô sơ, phần lớn là dùng sức người thay sức máy. Về nguyên liệu lại càng khan hiếm việc mua bán nguyên liệu ở nước ngoài rất khó khăn.

Các nước tự do không trao đổi buôn bán với Việt Cộng. Còn các nước Cộng sản như Đông Đức, Trung Cộng, Tiệp Khắc... lại cũng đang lâm vào tình trạng thiếu nguyên liệu ở các nước ngoài.

Thiếu nguyên liệu, thiếu phương tiện cho nên mọi hoạt động của ngành công nghiệp của Việt Cộng đều bị ngừng trệ, sản xuất bị sút kém.

3) - *Vấp phải sức phản kháng của nhân dân.*

Thực hiện chính sách « tập sản » Việt Cộng đã gây cho nhân dân căm phẫn vô tận, họ luôn luôn tìm mọi cách chống đối như phá hoại sản xuất, đầu vốn, đầu nghề. Mặc dầu Việt Cộng đã dùng mọi biện pháp cưỡng bách nhưng chúng vẫn không sao đàn áp nổi tinh thần phản kháng của nhân dân ; Vì vậy, khi chúng đưa « kế hoạch » ra nhân dân đã không tích cực thực hiện, lại còn tìm cách ngăn cản, phá hoại. Đôi khi bị cưỡng bách quá thì lại làm có tính cách « chiếu lệ » qua loa cho xong, vì thế mà « kế hoạch » lớn nhỏ của chúng đề ra suốt trong thời gian 3 năm (từ năm 1958 đến 1960), thường thường là bị hụt mức rất xa. Đó là chưa kể các kho tàng, máy móc của Việt Cộng bị nhân dân phá hủy đã làm cho chúng bị thiệt hại nặng nề.

IV. — KẾT LUẬN

Một chính sách đưa ra thực hiện trong nhân dân muốn thu lượm được kết quả tốt đẹp cần phải có sự hợp tác chặt chẽ của nhân dân. Vì rằng, chính nhân dân là người thực hiện và chỉ có nhân dân mới có đủ khả năng về nhân lực và vật lực. Nhất là, ở miền Bắc, về nông nghiệp cũng như về công nghiệp còn lạc hậu nên lại càng đòi hỏi nhiều đến sự đóng góp của nhân dân. Muốn được sự hợp tác nhiệt thành của nhân dân, điều chủ yếu là chính sách đó phải phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân. Quyền lợi của nhân dân càng được bảo đảm bao nhiêu thì nhân dân lại càng tích cực sốt sắng tham gia đến bấy nhiêu. Chính sách « tập sản » của Việt Cộng đã hoàn toàn đi ngược lại những điều chủ yếu đó, nó chỉ nhằm phục vụ cho Đảng và bỏ rơi người dân. Vì vậy, nó không được nhân dân hưởng ứng mà lại còn bị nhân dân tìm mọi cách chống đối. Nhân dân chống đối cho nên chính sách thất bại.

Không những thế, thực hiện chính sách « tập sản », Việt Cộng xóa bỏ quyền tư hữu ,giữ độc quyền kinh doanh đã gây tuyệt vọng cho mọi người, không còn ai chịu tích cực sản xuất ; vì thế mà nền kinh tế miền Bắc đã lần lần đi đến suy sụp. Thực vậy, có tự do kinh doanh, có bảo đảm quyền tư hữu thì mọi người mới hăng hái cạnh tranh, cố gắng sản xuất tích cực tìm tòi, phát minh... do đó, mọi ngành hoạt động được cải tiến và nền kinh tế nói chung mới có đà phát triển mau chóng.

Một chính sách vô nhân đạo, phản bội lại quyền lợi căn bản của dân chúng, xây dựng trên bạo lực, khủng bố, lẽ tất nhiên không thể tránh khỏi đi đến thất bại hoàn toàn và cũng không bao giờ bền vững được.

ĐỀ QUỐC LỚN NHẤT HOÀN CẦU : NGÀ SỐ

ĐẾ QUỐC LỚN NHẤT HOÀN CẦU : NGA SÔ

Trong khi các cường quốc Tây phương xúc tiến công cuộc trao trả độc lập cho các nước thuộc địa một cách khả quan thì cả Nga Sô lẫn Trung Cộng, chưa một lúc nào tính đến chuyện trả lại tự do phần nào cho các chư hầu.

Khởi thủy, Nga Sô có một thuộc địa thừa hưởng của Nga Hoàng. Hồi 1916 trong cuốn : « chủ nghĩa Đế quốc, giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản » Lê-nin cho biết : về vấn đề thuộc địa, nước Nga đứng hàng thứ ba trên thế giới kể về dân số, và hạng nhì kể về diện tích.

Cho đến ngày nay chưa bao giờ Nga Sô tính đến việc trao trả độc lập cho các thuộc quốc mà Nga Hoàng để lại như Azerbaidjan, Géorgie, Arménie, Turkménistan, Ouzbekistan, Tadjikistan, Kazakstan và Kirghizie. Thêm vào đây còn phải kể tới một số đất đai bị Nga Sô sát nhập vào Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Sô Viết Nga như vùng Tartarie và Yakoutie Bachkirie, Daghestan, Dudmourtie, Tchouvochie và Yakoutie. Tổng số đất đai thừa hưởng của Nga Hoàng gồm hơn 8 triệu cây số vuông với một số dân khoảng từ 45 đến 50 triệu người.

Ngoài ra Nga Sô còn xâm chiếm thêm một số đất đai mới : Ngoại Mông, phía đông nước Phần Lan, Lettonie, Lithuanie, Moldavie miền Tây Ukraine, Ruthénie gồm khoảng 20 triệu dân. Tiếp đến một số đất đai Nga Sô mới thôn tính sau hồi 1945 : Ba Lan, Đông Đức, Đông Phổ, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Lỗ Ma Ni, Albanie, Transcarpathie, Karafoute (Sakhaline miền Nam) phía Nam quần đảo Kourilles, tất cả gồm 99 triệu dân.

Tính cho đến ngày nay Nga Sô chiếm cứ một số đất đai gồm 11 triệu cây số vuông với 167 triệu dân .

Thêm vào đây cũng phải tính đến các thuộc địa của Trung Cộng : Bắc Cao, Bắc Việt, Nam Mãn Châu, Nội Mông Cỏ, Tân Cương, Tây Tạng, vùng biên giới Ấn Độ khoảng 35 triệu người thuộc 50 dân tộc khác nhau.

Tính theo tỷ lệ Nga Xô chiếm 60% tổng số đất đai thuộc địa trên thế giới, nếu kể cả các thuộc địa của Trung Cộng tỷ số này lên tới 72%.

Đế quốc Nga Xô với âm mưu thôn tính thế giới.

Âm mưu của Cộng sản quốc tế nhằm thôn tính cả thế giới là mối lo ngại trọng đại trong thời đại chúng ta. Cộng sản đã không ngưng miệng rêu rao « bảo vệ hòa bình » « sống chung hòa bình » khi chúng âm mưu mở rộng đất đai, chiếm đóng và, nếu gặp phải sức chống cự mãnh liệt của những người yêu chuộng tự do, thì lập tức chúng vu cáo kết tội họ là « đế quốc xâm lăng ».

Ngày 7-7 Kroutchev tuyên bố ở Vienne (Áo) rằng những hóa tiễn xuất phát từ một nước nào (như Ý Đại Lợi chẳng hạn) và « bay qua nền trời Áo » thì y có thể coi như nền trung lập của Áo đã bị vi phạm và Nga Xô sẽ có những biện pháp thích ứng để đối phó lại. Như thế tính chất trung lập của các quốc gia trung lập hoàn toàn phụ thuộc vào quan niệm của Nga Xô ; điều này làm chúng ta liên tưởng đến thái độ của Hitler đối với nước trung lập Bỉ hồi 1940 : Hitler đã vi phạm nền trung lập của Bỉ lấy cớ rằng sở dĩ y phải làm thế vì có một số nước khác đương sửa soạn làm. Với cái lối lý luận ấy tất nhiên không còn gì là luật lệ quốc tế nữa và chỉ có sức mạnh tàn bạo đã man thói.

Việc Nga Xô can thiệp vào nội tình Congo qua trung gian sứ quán Tiệp ở Leopoldville đã gây nên bao nhiêu sự sáo trộn và làm cho tình hình chính trị Congo thêm rối ren. Bộ máy « chuyên viên » được huấn luyện trong các trường cách mạng Nga Xô đã tiếp tay đắc lực trong việc can thiệp vào chính tình các nước. Từ 40 năm nay Nga Xô đã kiện toàn các tổ chức ấy, tung cán bộ ra hoạt động khắp nơi, chúng núp trong các Sứ

quán, bề ngoài chúng là nhân viên ngoại giao đoàn, nhưng thật sự chúng chuyên về các công tác phá hoại. Người ta đã phát giác được những tên «Koudrivtsev» ở Gia Nã Đại «Léon» ở Pháp và đại loại như thế ở Cuba.

Công việc chính của Cộng sản quốc tế là gây chia rẽ, xâm nhập ; đảo chánh phá hoại để cướp chính quyền.

Bề ngoài Nga sô làm rùm beng rêu rao nước này nước kia có âm mưu đen tối trong khi đó để quốc Cộng sản đặt nền móng tại khắp nơi : Á Châu, Phi Châu, Nam Mỹ.

Vừa đánh trống, vừa ăn cướp.

Luận điệu tuyên truyền « chống thực dân » lại được mang ra phục vụ cho đế quốc lớn nhất thế giới : đế quốc Cộng sản.

Sau thế giới đại chiến thứ II Tây phương đã lần lượt trao trả độc lập cho gần hết các thuộc địa. Trong khi đó, việc làm có khi lại gặp rất nhiều khó khăn trở ngại do sự phá hoại của Cộng sản : tình hình Congo ngày nay là một thí dụ điển hình. Nhược điểm của Tây phương là đã không biết sử dụng một đường lối tuyên truyền cứng rắn để chống lại luận điệu bịp bợm của Nga Sô. Những luận điệu xảo trá của Cộng sản không được kịp thời vạch trần đã có tác dụng tai hại. Vô tình người ta đã đề một quốc gia Phi Châu (như Guinée, Congo) làm gương rằng Nga Sô không có ý định xâm chiếm đất đai, Nga Sô hướng ứng phong trào tranh thủ độc lập của các quốc gia ấy, trong khi Nga Sô chỉ lợi dụng những nước đó để gây ảnh hưởng và mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Nếu thử mở một cuộc thăm dò ý kiến thì chắc rằng trong số 1.000 người may mắn mới có một người biết rằng Nga Sô có tới 60% tổng số thuộc địa trên thế giới và nếu lại cộng chung cả các thuộc địa của Trung Cộng nữa thì con số này lên tới 72%. Nếu ở Liên Hiệp Quốc các nước Tây phương đã nhiều lần đưa ra những dẫn chứng xác thực vạch trần dã tâm của Cộng sản thì điều này chỉ được một nhóm người biết tới trong khi đông đảo quần chúng khắp nơi chỉ nghe rất một luận điệu tuyên truyền xảo trá của Cộng sản và họ đã lầm lẫn thật tai hại.

KẾT LUẬN

Nhìn vào bản liệt kê dưới đây mọi người tất sẽ rùng mình trước mối hiểm họa đỏ, nhưng đồng thời cũng thấy rõ được cái âm mưu của Cộng sản nhằm nô lệ hóa hoàn cầu mà cả thế giới tự do cần phải cảnh giác đề phòng.

Các thuộc địa cũ thừa hưởng của Nga Hoàng :

8 nước Cộng hòa xã hội Xô viết :

Azerbaidjan	3.698.000 người
Georgie	4.044.000 --
Arménie	1.763.000 --
Turkmenistan	1.516.000 --
Ouzbekistan	8.106.000 --
Tadjikistan	1.980.000 --
Kazakstan	9.310.000 --
Kirghizie	2.066.000 --

13 Quốc gia « tự trị » sát nhập vào Nga Xô :

Komis, Miriis, Tatarie, Bachkirie, Baghestan, Bouriato-Mongolie, Kabarda-Balkarie, Mondevie, Bắc Ossétie, Oudmourtie, Tchéchéno-Ingouchie, Tchoureschie và Yakoutie.

7 Khu vực « tự trị » sát nhập vào Nga Xô :

Adyghés, Gorno-Altáisk, Juifs, Kabmoukie, Karathais, Touva, Hakasses.

Các khu vực « tự trị » khác sát nhập vào các nước thuộc Nga :
Azerbaidjan

Quốc gia tự trị Nakhitchévan và khu tự trị Nagorny Karabakh.

Géorgie

Các quốc gia tự trị Abkhazie và Adjarie và khu tự trị Nam Ossétie.

Ouzbékistan

Quốc gia tự trị Kara-Kalpakie.

Tadjikistan

Khu tự trị Borno-Badakhchan.

Các dân thuộc địa Nga.

Ngoại Mông	900.000 người
Đông Phần Lan	150.000 —
Estonie	1.196.000 —
Lettonie	2.094.000 —
Lithuanie	2.713.000 —
Moldavie	2.880.000 —
Miền Tây Ukraine	8.503.000 —
Ruthénie (bạch)	2.102.000 —
Toanu Tuwa	172.000 —
Balan	29.000.000 —
Trung Đức	17.300.000 —
Đông Phổ	610.000 —
Tiếp khắc	13.500.000 —
Hung Gia Lợi	10.000.000 —
Lỗ Ma Ni	18.000.000 —
Bảo Gia Lợi	8.000.000 —
Albanie	1.500.000 —
Transcarpathie	923.000 —
Karafouto	300.000 —

và các đảo Nam Kourilles.

Những con số nêu lên là chỉ tính riêng các thuộc địa của Nga Sô nghĩa là gồm 60% tổng số diện tích các thuộc địa trên thế giới.

Kể từ 1917. Đảng Cộng sản Nga Xô lên cầm quyền
thăm thoát đã được 43 năm ; trong thời gian này, các
lãnh tụ Nga Xô đã luôn luôn phản bội những điều đã
long trọng cam kết.

Hai học giả trú danh thuộc Thư viện Hoover ở Cali-
fornie. sau khi nghiên cứu kỹ càng lối xử thế của Cộng
sản Nga Xô, đã kết luận rằng : « Cộng sản có thiện chí
thi hành các Hiệp ước hay không là tùy ở nhu cầu thực
tế của Nga Xô chứ không vì điều luật Quốc tế hay vì
quyền lợi của nhân loại ».

Cộng sản luôn luôn quan niệm rằng việc tôn trọng
lời hứa là một điều không cần thiết, nên đã đem áp
dụng nguyên tắc này, không những trong việc bang giao
với các quốc gia khác. mà để đối xử cả với những nhóm
thiểu số trong Liên Bang Xô Viết.

Chỉ 3 ngày sau khi lợi dụng được cuộc cách mạng
7-11-1917 để lên nắm chính quyền, Cộng sản Nga đã
cấm tự do ngôn luận — cho đó là một đặc quyền rất
nguy hiểm không thể giao phó cho nhân dân được. Tuy
nhiên, họ cũng hứa với nhân dân sẽ hủy bỏ lệnh cấm
này sau khi chính quyền mới được thiết lập vững chắc.
43 năm đã qua, lời hẹn suông trên vẫn chưa được thực
hiện và tới ngày nay, tự do ngôn luận cùng các thứ tự
do dân chủ khác hoàn toàn bị cấm đoán.

Mặc dầu đã nắm chính quyền được 40 năm, năm 1957.
các lãnh tụ Cộng sản lại chứng tỏ một lần nữa, chúng
vẫn không thay đổi lập trường và không tôn trọng lời
hứa với 70 triệu công dân, bằng cách ra lệnh đình trả
trong thời gian từ 20 đến 40 năm, số tiền 260.000 triệu
Rúp (bằng độ 60 tỷ đô la Mỹ) đã thu được, khi bắt
buộc công nhân Nga Xô phải mua những trái phiếu
trong suốt 30 năm vừa qua.

Những lời tuyên bố điển hình sau đây đã chứng tỏ rằng, đối với chính quyền Cộng sản, những lời hứa hẹn dù là thiêng liêng đến đâu chăng nữa, cũng không có nghĩa lý gì hết thảy.

V.I. Lénine đã nói :

« Lời hứa hẹn giống như cùi bánh, làm ra rồi để bẻ vỡ ».

« Tự mình đem trời buộc mình vào một thỏa hiệp với bất cứ ai, trong một thời gian lâu hay chóng, là một hành vi điển rồ và đáng kết tội ».

J.V. Staline nói :

« Lời nói không liên hệ gì đến việc làm — nếu không, sao lại có mảnh lối ngoại giao ? Lời nói là một việc và hành động lại là chuyện khác. Lời nói đẹp đẽ là mặt nạ để che đậy hành vi xấu xa. Đã ngoại giao thì không thể thực thà được ».

Quan niệm trên đây là quan niệm chính của Đảng Cộng sản Nga Sô, ngay từ khi mới được thành lập và không phải chỉ các lãnh tụ như Staline và Lénine mới ý thức như vậy. G.E. Zinoviev, thủ túc của Lénine, một nhân vật quan trọng của Nga Sô sau ngày khởi nghĩa đã nói : « Chúng tôi vui lòng ký kết những hòa ước bất lợi cho chúng tôi ; như vậy chỉ có nghĩa là chúng tôi không mấy may tin tưởng vào những văn kiện đã ký kết ».

Trong 43 năm qua, Cộng sản Nga Sô đã tham dự vào hàng trăm thỏa hiệp quốc tế. Bản kê khai so sánh sau đây tự nó chứng minh rõ rệt thủ đoạn nham hiểm bất lương của bọn Cộng sản Nga Sô.

THỎA HIỆP

KẾT QUẢ

— 7-5-1920 : Cộng sản Nga Xô ký hiệp ước với nước Cộng Hòa Độc Lập Georgie, cam đoan không can thiệp vào nội bộ nước này.

— 11 và 12-2-1921 : Quân Nga Xô tràn vào Georgie và rồi cuộc sát nhập nước này vào Liên bang Xô Viết.

— 16-3-1921 : Do thương ước với Anh Cát Lợi, Nga Xô cam đoan không tuyên truyền ở Anh.

— 26-5-1927 : Anh Cát Lợi hủy bỏ thương ước vì Nga Xô đã vi phạm nhiều phen, kể cả việc chấm dứt tuyên truyền như đã hứa hẹn.

— 5-6-1922 : Nga Xô ký hiệp ước thân thiện với Tiệp Khắc.

— 12-12-1943 : Nga Xô và chính phủ lưu vong Tiệp Khắc ký kết Hiệp ước thân thiện và tương trợ.

— 25-2-1948 : Chính phủ Tiệp Khắc bó buộc phải chịu nhận ước hậu thư của Nga Xô vì Nga Xô đã chuẩn bị xong việc sát nhập Tiệp Khắc thành một nước chư hầu của Cộng sản. Tới hậu thư này buộc phải thành lập một nội các gồm các nhân vật thân Mạc tư Khoa và thực hiện ý của Nga Xô muốn thôn tính Tiệp Khắc độc lập, sau Thế giới Chiến tranh thứ II.

— 17-12-1925 : Nga Xô ký hiệp ước trung lập và bất xâm phạm với Thổ Nhĩ Kỳ.

— 20-3-1945 : Nga Xô phản đối Hiệp ước này và bắt đầu nắm quyền kiểm soát ở eo biển Hắc Hải.

— 31-8-1926 : Nga Xô ký Hiệp ước bất xâm phạm với A Phú Hãn.

— 14-6-1946 : Nga Xô bó buộc A Phú Hãn phải nhượng cho miền biên thùi Kushka.

THỎA HIỆP

KẾT QUẢ

— 28-9-1926 : Nga Sô ký Hiệp ước bất xâm phạm với Lituanie và triển hạn Hiệp ước này đến 1945.

— 15-6-1940 : Hồng Quân vào Lituanie.

— 3-8-1940 : Lituanie bị sát nhập vào Liên Bang Sô Viết.

— 27-9-1928 : Nga Sô gia nhập Hiệp ước Kellogg — Briand, cam đoan không gây chiến tranh.

— Năm 1939-1940, Nga Sô hủy bỏ lời cam kết, xâm chiếm Ba Lan, Lituanie, Latvie, Estonie và Lỗ Ma Ni.

— 21-1-1932 : Nga Sô ký hiệp ước bất xâm phạm với Phần Lan.

— 30-11-1939 : Nga Sô xâm chiếm Phần Lan.

— 5-2-1932 : Nga Sô ký Hiệp ước bất xâm phạm với Latvie.

— 16-6-1940 : Nga Sô xâm chiếm Latvie.

— 5-8-1940 : Latvie phải bỏ buộc sát nhập vào Liên Bang Sô Viết.

— 4-5-1932 : Nga Sô ký Hiệp ước bất xâm phạm với Estonie.

— 16-6-1940 : Nga Sô xâm chiếm Estonie.

— 6-8-1940 : Estonie sát nhập vào Liên Bang Sô Viết.

— 25-6-1931 : Nga Sô ký Hiệp ước bất xâm phạm với Ba Lan.

— 17-9-1939 : Hồng Quân tràn vào Ba Lan.

— 5-5-1934 : Hiệp ước bất xâm phạm Nga — Ba Lan được triển hạn thêm 10 năm nữa.

— 29-9-1939 : Nga Sô ký Hiệp ước với Đức Quốc Xã phân chia lãnh thổ Ba Lan.

THỎA HIỆP

KẾT QUẢ

— 9-6-1934 : Nga Xô công nhận Lỗ Ma Ni và cam kết bảo vệ chủ quyền của nước này.

— 27-6-1940 : Hồng Quân tràn vào tỉnh Bessarabie và phía Bắc tỉnh Bukovine của Lỗ Ma Ni. Chỉ trong 4 hôm, Nga Xô chiếm đóng xong các vùng này.

— 2-4-1944 : Hồng Quân tiến vào Lỗ Ma Ni. Quốc gia này trở thành một chư hầu của Nga Xô.

— 15-9-1934 : Nga Xô gia nhập Hội Vạn Quốc và cam kết « duy trì công lý và triệt để tôn trọng mọi điều đã ký kết giữa các dân tộc trong việc bang giao với nhau ».

— 23-8-1939 : Nga Xô ký kết với Đức Quốc Xã một Hiệp ước được mệnh danh là « Âm Mưu Chung » để phá nền độc lập và phân chia lãnh thổ của các quốc gia Ba Lan, Estonie, Latvie, Lithuanie, Phần Lan và Lỗ Ma Ni.

— 21-8-1937 : Nga Xô ký Hiệp ước bất xâm phạm với Trung Hoa Dân Quốc.

— 2-10-1949 : Nga Xô tuyệt giao với Trung Hoa Dân Quốc sau khi công nhận Trung Cộng và giúp Trung Cộng lên nắm chính quyền.

— 30-7-1941 : Nga Xô ký với Chính Phủ lưu vong Ba Lan Hiệp ước tương trợ và hợp tác.

— 25-4-1943 : Nga Xô tuyệt giao với Chính Phủ lưu vong Ba Lan, sau khi Chính Phủ này xin với Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế điều tra về vụ tàn sát ở rừng Katyn.

THỎA HIỆP

KẾT QUẢ

— 24-9-1941 : Nga Xô cam kết gia nhập Hiến Chương Đại Tây Dương, trong đó có dự rằng : « Các quốc gia hội viên không được có ý định khước từ, không được sửa đổi lãnh thổ nếu các dân tộc liên hệ không tự ý vui lòng thỏa thuận và phải tôn trọng quyền tự do lựa chọn chế độ của mọi dân tộc ».

— 29-1-1942 : Nga Xô, Anh Cát Lợi và Ba Tư ký Hiệp ước chỉ sử dụng lãnh thổ Ba Tư để hoạt động quân sự cho đến khi chấm dứt chiến tranh với Đức.

— 11-2-1945 : Tại Hội Nghị Yalta, Nga Xô đã chấp thuận nhiều biện pháp để áp dụng sau khi chấm dứt chiến tranh — trong đó có quyết định cho các dân tộc được giải phóng ở Âu Châu được quyền giải quyết các vấn đề kinh tế khó khăn bằng các biện pháp dân chủ.

— 11-4-1945 : Nga Xô và Nam Tư ký kết Hiệp ước thân thiện, tương trợ và hợp tác có hiệu lực trong 20 năm.

— Trái với những lời cam kết, Nga xô đã chiếm đóng và thống trị Lỗ Ma Ni, Estonie, Latvie, Lithuanie, Tiệp Khắc, Tanaku Tuva, A Phú Hãn, Đông Đức, An Ba Ni, Bảo Gia Lợi, Bắc Triều Tiên, Mông Cổ, Trung Cộng, Mãn Châu, Tây Tạng và Bắc Việt.

— Nga Xô không chịu rút quân khỏi Ba Tư sau khi Thế Giới chiến tranh thứ II kết liễu.

— Nga Xô vi phạm Hiệp ước Yalta vì đã đổ bộ Bảo Gia Lợi, Lỗ Ma Ni, Phần Lan, Đông Đức, cùng nhiều quốc gia khác và sau ngày đình chỉ Thế chiến thứ II, cưỡng bức các quốc gia trên phải trở thành chư hầu của Liên Bang Xô Viết.

— 29-9-1949 : Nga Xô tuyên bố hủy bỏ Hiệp ước này.

THỎA HIỆP

— 11-2-1945 : Tại Hội Nghị Yalta, Nga Xô thỏa thuận tuyên cáo rằng Chính Phủ lâm thời Ba Lan « phải cam kết tổ chức trong thời gian nhanh chóng nhất, tuyển cử tự do trên các nguyên tắc bỏ phiếu kín và phổ thông đầu phiếu ».

— 17-7 đến 2-8-1945 : Tại Hội Nghị Potsdam, Nga Xô thỏa thuận cho dân tộc Đức được đối xử như nhau trên khắp lãnh thổ Đức.

— 14-8-1945 : Nga Xô ký với Trung Hoa Dân Quốc một Hiệp ước trong đó có điều kiện như sau : « Hai bên ký kết hiệp ước này sẽ không kết giao và tham gia vào bất cứ liên minh nào khác để chống đối nhau. Hiệp ước này được lập tức thi hành và có hiệu lực trong thời gian 30 năm ».

KẾT QUẢ

— 5-1-1947 : Nga xô từ chối không hội họp với Hoa Kỳ và Anh Cát Lợi để ấn định thể thức liên hệ đến việc tổ chức tuyển cử tự do tại Ba Lan, theo Hiệp ước ký kết năm 1945.

— Đông Đức ngày nay vẫn phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ dành cho các chư hầu của Nga Xô. Dân chúng Đông Đức không có tuyển cử tự do, không được liên lạc với Tây Đức và phải chịu chế độ tập trung luật lệ cảnh bị và hạn chế kinh tế như dân chúng của tất cả các chư hầu khác của Nga Xô.

— 14-2-1950 : Nga xô hủy bỏ Hiệp ước với Trung Hoa Dân Quốc vì đã ký kết một Hiệp ước mới với Trung Cộng. Trong Hiệp ước mới Nga Xô lập lại nguyên văn căn bản đã dùng trong Hiệp ước cũ, cam kết rằng : « Hai bên ký kết Hiệp ước này sẽ không kết giao và tham gia vào bất cứ liên minh nào khác để chống đối nhau. Hiệp ước này có hiệu lực 30 năm ».

THỎA HIỆP

KẾT QUẢ

— 10-3-1947 : Hội đồng các Ngoại Trưởng họp tại Mạc tư Khoa, thỏa thuận cho bồi hương tất cả các tù binh Đức kể từ ngày 31-12-1948.

— 3-8-1955 : Nga Xô cung cấp cho Hồng Thập Tự Tây Đức tài liệu về sức khỏe và địa điểm giam giữ 20 người trong số 14.000 tù binh mà người ta chắc chắn hiện còn bị Nga Xô giam giữ.

— 27-7-1955 : Thỏa hiệp ngừng chiến ký kết giữa Bộ Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Quốc và quân đội Cộng sản đối phương, gồm có Nga Xô, Trung Cộng và Bắc Triều Tiên. Trong thỏa hiệp đôi bên cam kết « không tăng cường quân lực hiện đóng tại Triều Tiên ».

— 11-7-1955 : Bộ Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Quốc kê khai trong một bản dài những vi phạm thỏa hiệp ngừng chiến của Cộng sản.

— 6-5-1957 : Trong những loại văn kiện phản kháng chính thức, Bộ Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Quốc tố cáo Cộng sản đã 6 lần đem quân vào vùng phi quân sự trong khoản thời gian chưa đầy 4 tháng.

Bản tổng kê những vụ vi phạm ở trên thật chưa đầy đủ, ngoài ra còn hàng triệu trường hợp man trá của Nga Xô mà người ta không thể viết vào những văn kiện chính thức được. Người ta chỉ có thể viết các vụ này dưới một nhãn hiệu duy nhất là :

Thời Staline đã quá tệ hại

Thời Kroutchev lại còn tệ hại hơn.

Thế giới tự do hết trông mong gì vào sự hoán cải của chế độ Cộng sản tàn bạo và đó cũng là tiếng chuông cảnh tỉnh những người còn mơ tưởng rằng Cộng sản có thể tiến bộ từ độc tài tới dân chủ được.

MỤC LỤC

TRANG

CHIẾ ĐỘ DÂN CÔNG MIỀN BẮC

Nhận xét về bản điều lệ xử dụng dân công trong thời bình của Việt Cộng	6
I — Những người phải đi dân công.	6
II — Những người được xử dụng dân công.	7
III — Nhiệm vụ của người đi dân công	8
IV — Cơ quan chịu trách nhiệm điều động dân công	9
Thực trạng của chế độ dân công miền Bắc	9

LÀI LIỆU CUÔNG BÁCH DÂN CỦA VIỆT CỘNG

Những người có nghĩa vụ đi dân công	16
Mở đầu.	

NHỮNG THẤT BẠI VỀ CHÍNH SÁCH « TẬP SẢN » CỦA VIỆT CỘNG

I — Thất bại về tổ chức « tập thể »	26
1) Hợp tác xã nông nghiệp bị tan rã	26
2) « Công ty hợp doanh » bị thiếu vốn, thiếu nguyên liệu	29
3) « Mậu dịch quốc doanh » gặp khó khăn, trở ngại	30
4) « Quản lý tiền mặt và quý kim » bị nhân dân phản kháng	31

	TRANG
II — Thất bại về tài sản	32
1) Sản xuất nông nghiệp bị hụt mức kế hoạch	32
2) Sản xuất công nghiệp bị ngừng trệ	33
III — Nguyên nhân thất bại	33
1) Việt Cộng không đủ khả năng đề quản lý mọi mặt	34
2) Thiếu nguyên liệu, phương tiện sản xuất	34
3) Vấp phải sức phản kháng của nhân dân	35
IV — Kết luận	35

ĐẾ QUỐC LỚN NHẤT HOÀN CẦU : NGA SÔ

Đế quốc Nga Sô với âm mưu thôn tính thế giới	40
Vừa đánh trống, vừa ăn cướp	41
Kết luận	42
— Các thuộc địa cũ thừa hưởng của Nga Hoàng.	
— 13 quốc gia « tự trị » sát nhập vào Nga Sô.	
— 7 khu vực « tự trị » sát nhập vào Nga Sô.	
— Các khu vực « tự trị » khác sát nhập vào các nước thuộc Nga.	
— Các tân thuộc địa Nga.	

TỔNG KẾT 43 NĂM ĐẦY BỘI ƯỚC CỦA NGA SÔ

Thỏa hiệp	46
Kết quả.	